

Bản án số: 57/2023/HS-PT
Ngày 12 - 7 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Danh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Trọng;

Ông Nguyễn Huy Cẩn.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Bích Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Kim Tuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 58/2023/TLPT-HS ngày 09 tháng 5 năm 2023 do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn B, sinh ngày 25 tháng 12 năm 1986 tại xã C, huyện A, Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn D, xã C, huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị E; có vợ là Vũ Thị G và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 93/2012/HS-ST ngày 26/7/2012, Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt B 06 năm tù về tội “Chứa mại dâm”. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 36/QĐ-XPHC ngày 25/02/2019, Công an huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt B về hành vi “Hủy hoại tài sản” với số tiền 3.500.000 đồng (đã nộp phạt ngày 26/02/2019). Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 102/QĐ-XPHC ngày 24/5/2019, Công an huyện I, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt B về hành vi “Trộm cắp tài sản” với số tiền 1.500.000 đồng (đã nộp phạt ngày 09/9/2019). Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 97/QĐ-XPHC ngày 01/11/2019, Công an huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt B về hành vi “Đánh bạc” với số tiền

350.000 đồng (đã nộp phạt ngày 04/11/2019); bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/9/2022 đến nay, "có mặt".

- Bị hại:

+ Chị Trần Minh K, sinh năm 1991; trú tại: Thôn D, xã C, huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

+ Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1990; trú tại: Thôn D, xã C, huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Nguyễn Khắc M, sinh năm 1987; trú tại: Thôn D, xã C, huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

+ Anh Đào Chí N, sinh năm 1978; trú tại: Thôn P, xã Q, huyện I, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

+ Anh Trần Xuân Z, sinh năm 1995; trú tại: Thôn R, xã S, huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

+ Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1987; trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn U, huyện I, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

+ Công ty Cổ phần kinh doanh F; địa chỉ: Phòng X5, tầng M, tòa nhà X, số X1 đường X2, phường X3, quận X4, thành Phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Công ty: Ông Đỗ Hoàng V – Trưởng phòng giao dịch Chi nhánh Công ty Cổ phần kinh doanh F tại Vĩnh Phúc, là người đại diện theo ủy quyền lại (Văn bản ủy quyền lại số 15/2023/GUQ-F ngày 10 tháng 01 năm 2023, "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2021 đến tháng 7/2022 Nguyễn Văn B đã thực hiện các hành vi phạm tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Vụ án thứ nhất: Tháng 9/2020, B được vợ chồng em trai là anh Nguyễn Văn Y và chị Nguyễn Thị Y1 cho 01 chiếc xe mô tô SH màu đen biển kiểm soát Y2, đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Y1. Đến đầu tháng 3/2021, do không có tiền mua ma túy sử dụng cho bản thân nên B lên một trang mạng xã hội (không nhớ địa chỉ của trang mạng đó) liên lạc với một người đàn ông không quen biết và cung cấp cho người đó các thông tin (biển kiểm soát, số khung, số máy, loại xe, nhãn hiệu, màu sơn...) để làm giả 01 giấy đăng ký xe mô tô đối với chiếc xe mô tô SH màu đen biển kiểm soát Y2 mang tên Nguyễn Văn B với số tiền làm giả là 2.000.000 đồng. Khoảng một tuần sau, có một người đàn ông giao hàng (B không quen biết) giao cho B 01 giấy đăng ký xe giả mà B đã thuê làm giả trước đó, B nhận giấy đăng ký xe giả và giao cho người này 2.000.000 đồng. Đến giữa

tháng 3/2021, B đem xe mô tô biển kiểm soát Y2 đến bán cho anh Đào Chí N được số tiền 55.000.000 đồng, B giao xe và đăng ký giả của xe mang tên Nguyễn Văn B cho anh N. Đến ngày 12/4/2021, B nảy sinh ý định lừa chị Trần Minh K ở cùng thôn mua lại chiếc xe trên từ anh N, để mục đích B lừa sẽ thuê lại xe của chị K rồi đem xe cùng đăng ký thật của xe đem bán. B gặp chị K và nói có 01 chiếc xe SH màu đen đang cầm cố ở I và muốn bán với số tiền 55.000.000 đồng thì chị K đồng ý mua, sau đó chị K đưa cho anh Nguyễn Khắc M (là chồng chị K) số tiền 55.000.000 đồng, anh M cùng B đến nhà anh N mua lại chiếc xe SH màu đen biển kiểm soát Y2 thì anh N đồng ý bán lại chiếc xe với số tiền 55.000.000 đồng rồi giao lại xe mô tô biển kiểm soát Y2 cùng với đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn B cho B cầm, sau đó B cùng anh M điều khiển xe đi về nhà chị K. Tại đây, B giao xe và đăng ký giả của xe mang tên Nguyễn Văn B cho chị K, chị K cầm đăng ký xe kiểm tra thông tin rồi ghi nội dung (biển kiểm soát xe, số khung, số máy của xe) vào giấy bán xe, B ký xác nhận và điểm chỉ vào mục bên bán. Sau khi viết giấy tờ mua bán xe xong, B nói dối với chị K cho B thuê lại xe để làm phương tiện đi lại, do tin tưởng nên chị K đồng ý và không viết giấy tờ gì. Sau đó, B đi xe mô tô biển kiểm soát Y2 về còn đăng ký giả của xe mang tên Nguyễn Văn B thì chị K quản lý. Đến ngày 22/4/2021 B đem chiếc xe trên cùng với đăng ký thật của xe mang tên Nguyễn Thị Y1 đem bán cho anh Nguyễn Văn U được số tiền 70.000.000 đồng, B tiêu sài cá nhân hết.

Vụ án thứ hai: Ngày 20/4/2021 B mua 01 chiếc xe SH125i màu đỏ đen biển kiểm soát U2, đăng ký xe mang tên Lê Viết U1, sinh năm 1987 ở tổ U3, xã U4, huyện U5, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ngày 23/4/2021, B làm thủ tục sang tên đổi với chiếc xe trên tại Công an huyện A và được cấp biển kiểm soát U6 mang tên Nguyễn Văn B. Sau đó, B tiếp tục nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị K nên B vào một trang mạng xã hội (B không nhớ địa chỉ của trang mạng đó) liên lạc với một người đàn ông không quen biết và cung cấp cho người đó các thông tin (biển kiểm soát, số khung, số máy, loại xe, nhãn hiệu, màu sơn...) để làm giả 01 giấy đăng ký xe mô tô đổi với chiếc xe mô tô SH biển kiểm soát U6 mang tên Nguyễn Văn B với số tiền làm giả là 2.000.000 đồng. Khoảng một ngày sau, có một người đàn ông giao hàng (B không quen biết) giao cho B 01 giấy đăng ký xe giả mà B đã thuê làm giả trước đó, B nhận giấy đăng ký giả và giao cho người này 2.000.000 đồng. Sau khi làm được đăng ký giả, B đem chiếc xe mô tô biển kiểm soát U6 cùng đăng ký giả của xe tiếp tục đến bán cho chị Trần Minh K với số tiền 40.000.000 đồng, chị K cầm đăng ký xe kiểm tra thông tin rồi ghi nội dung (biển kiểm soát xe, số khung, số máy của xe) vào giấy bán xe rồi B ký xác nhận và điểm chỉ vào mục bên bán, chị K đã đưa đủ số tiền 40.000.000 đồng cho B. B liền mượn lại xe của chị K và hẹn 01 tháng sau sẽ trả lại cho chị K thì chị K đồng ý. Đến ngày 08/5/2021, B đem đăng ký thật của xe mô tô biển kiểm soát U6 mang tên Nguyễn Văn B đến cầm cố đăng ký cho Công ty Cổ phần kinh doanh F-PGD để vay số tiền 31.473.600 đồng. Sau đó, B đem bán chiếc xe trên cho một người không quen biết (chỉ bán xe, không có đăng ký xe) được số tiền 15.000.000 đồng, B tiêu sài cá nhân hết. Hết thời hạn thuê xe nhưng B không đem xe trả nên chị K nhiều lần yêu cầu B trả lại xe nhưng do B

đã bán xe nên B nói dối chị K cho B mua lại xe thì chị K đồng ý bán lại cho B với số tiền 40.000.000 đồng và yêu cầu B giao đủ tiền thì chị K sẽ trả lại giấy đăng ký xe (đăng ký xe giả). Đến ngày 27/5/2021, B chuyển khoản trả chị K số tiền 20.000.000 đồng còn 20.000.000 đồng B hứa hẹn vài hôm sau B sẽ trả nốt cho chị K nhưng sau đó không có tiền trả chị K nên B bỏ trốn.

Vụ án thứ ba: Khoảng 08 giờ ngày 11/7/2022, B đi bộ đến đoạn đường bê tông thuộc thôn D, xã C, huyện A thì nhìn thấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát L1, nhãn hiệu RSX của anh Nguyễn Văn L ở cùng thôn đang dựng ở ven đường, còn anh L đang ngồi nướng thịt gần đó. B nảy sinh ý định nói dối anh L để mượn xe mô tô trên sau đó sẽ mang đi bán lấy tiền tiêu sài. B nói với anh L cho B mượn xe đi có việc một lúc sẽ quay lại trả, anh L tin tưởng nên đồng ý cho B mượn xe. B đi lại vị trí xe mô tô (chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện) nổ máy và điều khiển xe rời đi. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, B đi xe đến nhà anh Trần Xuân Z và cầm cố chiếc xe trên cho anh Z được 2.000.000 đồng (không viết giấy tờ) và tiêu sài cá nhân hết rồi bỏ trốn.

Chị K và anh L biết bị B lừa nên đã làm đơn trình báo Cơ quan điều tra Công an huyện A.

Quá trình điều tra, chị Trần Minh K giao nộp cho Cơ quan điều tra 02 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn B (01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát Y2, 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát U6) và 02 giấy bán xe giữa chị K và Nguyễn Văn B; Công ty Cổ phần kinh doanh F giao nộp 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát U6 đứng tên Nguyễn Văn B; anh Nguyễn Văn L giao nộp 01 giấy đăng ký của xe mô tô biển kiểm soát L1; anh Trần Xuân Z giao nộp xe mô tô biển kiểm soát L1.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định các giấy tờ và định giá tài sản là 03 chiếc xe máy nêu trên; kết quả như sau:

+ Tại Kết luận định giá tài sản số 58/KL-HĐĐG ngày 08/8/2022 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát L1 của anh L có trị giá 7.000.000 đồng.

+ Tại Kết luận định giá tài sản số 74/KL-HĐĐG Ngày 19/9/2022 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện A kết luận: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát Y2 có trị giá 75.000.000 đồng và xe mô tô biển kiểm soát U6 có trị giá 20.000.000 đồng.

+ Ngày 01/09/2022, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Kết luận giám định số 2643/KL-KTHS (đối với giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát Y2 đứng tên Nguyễn Văn B do chị K giao nộp) kết luận: “Chữ ký mang tên Bùi Văn U dưới mục “P.TRƯỞNG CA HUYỆN” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 là chữ ký trực tiếp. So với chữ ký của ông Bùi Văn U trên mẫu so sánh ký hiệu M1 là không phải do cùng một người ký ra.

Hình dấu tên, chức danh “Thượng tá Bùi Văn U” dưới mục “P.TRƯỞNG CA HUYỆN” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 được tạo ra bằng phương pháp

in phun màu, so với hình dấu tên, chức danh có cùng nội dung trên mẫu so sánh ký hiệu M2 là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Hình dấu tròn dưới mục “P. TRƯỞNG CA HUYỆN” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 được tạo ra bằng phương pháp in phun màu, so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên mẫu so sánh ký hiệu M3 là không phải do cùng một con dấu đóng ra”.

+ Ngày 01/11/2022, Phòng KTHS Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Kết luận giám định số 3283/KL-KTHS (đối với giấy đăng ký xe mô tô BKS U6 đứng tên Nguyễn Văn B do chị K giao nộp) kết luận: “1. Chữ ký mang tên Thượng tá Bùi Văn U trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 là chữ ký trực tiếp, so với chữ ký của ông Bùi Văn U trên mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một người ký ra.

Hình dấu tên, chức danh “Thượng tá Bùi Văn U” trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 được tạo ra bằng phương pháp in phun màu, so với hình dấu tên, chức danh có cùng nội dung trên mẫu so sánh ký hiệu M2 là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Hình dấu tròn màu đỏ với nội dung “CÔNG AN TỈNH VĨNH PHÚC * CÔNG AN HUYỆN A *” trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 được tạo ra bằng phương pháp in phun màu, so với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung trên mẫu so sánh ký hiệu M3 không phải do cùng một con dấu đóng ra”.

+ Ngày 02/02/2023, Phòng KTHS Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Kết luận giám định số 210/KL-KTHS (đối với giấy đăng ký xe mô tô BKS U6 đứng tên Nguyễn Văn B do công ty Cổ phần F giao nộp) kết luận: “1. Chữ ký mang tên Thượng tá Bùi Văn U trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 là chữ ký trực tiếp; So với chữ ký của ông U trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M3, M5, M6, M7 do cùng một người ký ra.

Hình dấu tên, chức danh “Thượng tá Bùi Văn U” trên mẫu cần giám định ký hiệu A3, so với hình dấu tên, chức danh có cùng nội dung trên mẫu so sánh ký hiệu M2 là do cùng một con dấu đóng ra”.

+ Tại Bản kết luận giám định số 3750 ngày 24/12/2022 của Phòng KTHS Công an tỉnh Vĩnh Phúc (giám định chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn B trong 01 giấy bán xe máy đề ngày 12/4/2021 và 01 giấy bán xe máy đề ngày 19/4/2021) kết luận: Chữ ký, chữ viết dưới mục bên A trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn B trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký, viết ra.

Vật chứng vụ án: Đối với xe mô tô biển kiểm soát Y2, sau khi B bán xe cho anh U, anh U đã sang tên đổi chủ và bán chiếc xe trên cho người khác nên Cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ được. Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát U6, Nguyễn Văn B đã bán cho một người không quen biết, không rõ lai lịch, Cơ quan điều tra đã có văn bản truy tìm nhưng không thu giữ được. Đối với xe mô tô biển kiểm soát L1 và 01 giấy đăng ký của xe là tài sản, giấy tờ hợp

pháp của anh Đỗ Văn L, Cơ quan điều tra đã thu và trả lại cho anh L; anh L đã nhận lại xe và không có yêu cầu đề nghị gì.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Minh K yêu cầu B phải trả lại số tiền mua bán 02 xe mô tô (xe mô tô biển kiểm soát Y2 và xe mô tô biển kiểm soát U6) là 75.000.000 đồng (đã trừ đi 20.000.000 đồng B đã trả trước đó). Anh Trần Xuân Z không đề nghị B phải hoàn trả số tiền đã vay.

Với hành vi phạm tội nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HSST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341, điểm c khoản 2 Điều 174, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 03 (Ba) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung của cả hai tội là 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16/9/2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13 tháng 4 năm 2023 bị cáo Nguyễn Văn B kháng cáo cho rằng bị cáo không có tội. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm, phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn B; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HSST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn B làm trong hạn luật định, hợp lệ được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn B kháng cáo kêu oan. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cho rằng mình không phạm tội vì không làm giả 02 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát Y2 và biển kiểm soát U6; không giao 02 giấy đăng ký xe giả trên cho chị Trần Minh K; việc bị cáo viết giấy bán xe cho chị K là để hợp thức hóa việc bị cáo vay tiền của chị K và sau đó bị cáo đã trả hết tiền cho chị K. Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát L1 bị cáo mượn của anh Nguyễn Văn L và không hẹn thời gian trả, sau đó bị cáo đã gửi và nhờ nhà anh Trần Xuân Z trả anh L.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng:

Việc bị cáo Nguyễn Văn B không thừa nhận đã thuê người làm giả 02 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát Y2 và biển kiểm soát U6; không giao 02 giấy đăng ký xe giả này cho chị Trần Minh K; không bán 02 chiếc xe mô tô cho chị K mà chỉ vay tiền của chị K và đã trả hết tiền vay; chỉ mượn chứ không chiếm đoạt xe của anh L là cố tình nài ra nhằm ngụy biện để che dấu hành vi phạm tội của mình. Bởi lẽ, lời khai không nhận tội của bị cáo là hoàn toàn không có cơ sở, mâu thuẫn với chính lời khai của bị cáo khi mới ra đầu thú và lời khai ban đầu tại giai đoạn điều tra; mâu thuẫn với lời khai của các bị hại, của tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là những người mà bị cáo đã bán xe, cầm cố xe; mâu thuẫn với vật chứng vụ án đã thu giữ được là các giấy bán xe có chữ ký của bị cáo và trong giấy bán xe thể hiện nội dung bị cáo đã giao xe và giấy đăng ký (được kết luận là giấy tờ giả) cho chị K. Toàn bộ nội dung mà bị cáo thay đổi, không thừa nhận đã được tiến hành đối chất theo đúng quy định, qua đối chất đã xác định được chính bị cáo là người thực hiện các hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện A. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận quá trình điều tra không bị mớm cung, ép cung hoặc nhục hình hay bị lừa dối khi lấy lời khai. Mặc dù, bị cáo thay đổi lời khai không nhận tội nhưng không đưa ra được chứng cứ cũng như lý do chính đáng về việc thay đổi này mà chỉ nài ra là không biết, không nhớ và không thực hiện hành vi bị truy tố.

Lời khai của các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là sự thật, phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ được nên được chấp nhận. Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú và các biên bản lấy lời khai, các bản tự khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn B tại Cơ quan điều tra; căn cứ lời khai của các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; căn cứ vật chứng đã thu giữ được và các kết luận giám định, kết luận định giá cùng các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì có đủ cơ sở để kết luận: Xuất phát từ động cơ, mục đích muốn chiếm đoạt tài sản của chị Trần Minh K nên trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 7 năm 2021, bị cáo Nguyễn Văn B đã 02 lần lên mạng xã hội facebook tìm kiếm người làm giả giấy đăng ký xe và cung cấp thông tin cho đối tượng không quen biết này về biển kiểm soát xe, tên, tuổi địa chỉ của bị cáo để thuê họ làm giả 02 giấy chứng nhận đăng ký xe biển kiểm soát Y2 và U6 mang tên Nguyễn Văn B. Sau khi nhận được 02 giấy chứng nhận đăng ký xe làm giả thì bị cáo đã lần lượt bán 02 chiếc xe này cùng

đăng ký giả cho chị Trần Minh K được tổng số tiền là 95.000.000 đồng; trong đó chiếc xe mô tô biển kiểm soát Y2 bán với giá là 55.000.000 đồng và xe mô tô biển kiểm soát U6 bán với giá là 40.000.000 đồng. Tiếp đó, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối lừa chị K cho bị cáo thuê lại xe và sau khi nhận được xe thì bị cáo đã chiếm đoạt 02 chiếc xe này bằng cách bán cho người khác. Chiếc xe mô tô biển kiểm soát Y2 thì bị cáo đã bán cho anh Nguyễn Văn U cùng với giấy đăng ký xe thật mang tên chị Nguyễn Thị Y1 được số tiền 70.000.000 đồng; còn chiếc xe mô tô biển kiểm soát U6 do không có giấy đăng ký (giấy đăng ký xe thật đang được bị cáo cầm cố tại Công ty F) thì bị cáo bán cho một người không rõ lai lịch được số tiền 15.000.000 đồng. Hai chiếc xe mô tô mà bị cáo B chiếm đoạt của chị K có tổng trị giá là 95.000.000 đồng (xe mô tô biển kiểm soát Y2 có trị giá 75.000.000 đồng và xe mô tô biển kiểm soát U6 có trị giá 20.000.000 đồng).

Ngoài ra, ngày 11/7/2021, tại khu vực đường bê tông thuộc thôn D, xã C, huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc thì Nguyễn Văn B còn có hành vi chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn L chiếc xe mô tô biển kiểm soát L1 bằng cách giả mượn xe của anh L nhưng sau đó đem đi cầm cố cho anh Trần Xuân Z để vay số tiền 2.000.000 đồng tiêu sài cá nhân. Chiếc xe mô tô mà bị cáo chiếm đoạt của anh L có trị giá 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

[4] Với hành vi của bị cáo nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị cáo Nguyễn Văn B đã cung cấp thông tin về tên tuổi, địa chỉ, biển kiểm soát xe mô tô để thuê người khác làm giả 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên bị cáo và bị cáo đã sử dụng 02 giấy tờ này làm phương thức thủ đoạn để lừa dối chiếm đoạt tài sản là 02 chiếc xe mô tô biển kiểm soát Y2 và U6 của chị Trần Minh K; ngoài ra bị cáo còn có hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản là chiếc xe mô tô biển kiểm soát L1 của anh Nguyễn Văn L; tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 102.000.000 đồng để quy kết bị cáo Nguyễn Văn B về các tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại b, c khoản 2 Điều 341 và điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật và không oan.

Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 là bị cáo ra đầu thú và một tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là bị cáo phạm tội lừa đảo từ 02 lần trở lên cũng như xem xét đến nhân thân của bị cáo để xử phạt bị cáo mức hình phạt 07 năm 06 tháng tù đối với cả hai tội là đánh giá đúng tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không có căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5] Từ những nhận định trên, xét thấy không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo kêu oan của bị cáo. Thấy rằng, quan điểm về giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với phân tích của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Do kháng cáo kêu oan không được chấp nhận nên các quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo trình tự phúc thẩm.

[7] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Văn B; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm c khoản 2 Điều 174; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm các tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 03 (Ba) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn B phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16 tháng 9 năm 2022.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 và 357 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn B phải bồi thường cho chị Trần Minh K tổng số tiền 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn B phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự và 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện A;
- TAND huyện A;
- Công an huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu hồ sơ; Toà Hình sự; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Danh